

Số 05/2010/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2010

THÔNG TƯ

Quy định chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 2 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 30/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thống kê khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư 05/2009/TT-BKHCN ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ như sau:

Điều 1. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ

1. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ bao gồm: đối tượng thực hiện báo cáo thống kê, phạm vi báo cáo, nội dung báo cáo, biểu mẫu, trách nhiệm của đơn vị báo cáo, nơi nhận báo cáo, kỳ hạn báo cáo, thời hạn báo cáo và trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo.

2. Báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ là loại báo cáo do đối tượng thực hiện báo cáo thống kê cơ sở lập từ số liệu ghi chép chính thức theo hệ thống biểu mẫu thống nhất và báo cáo cho cơ quan nhận báo cáo.

3. Phạm vi báo cáo là số liệu thống kê thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ gồm: hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (tổ chức, nhân lực, tài chính, hợp tác quốc tế), sở hữu công nghiệp.

Điều 2. Đối tượng thực hiện báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ

1. Đối tượng thực hiện báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ (sau đây gọi chung là đơn vị báo cáo) là cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc một trong những loại hình sau:

a) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm:

- Các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Các Sở Khoa học và Công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Các phòng khoa học và công nghệ tại quận, huyện;

- Các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập khác có sử dụng ngân sách nhà nước để hoạt động khoa học và công nghệ;

b) Các tổ chức khoa học và công nghệ của Nhà nước được quy định tại Điều 9 Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000, bao gồm:

- Các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi chung là tổ chức nghiên cứu và phát triển);

- Các trường đại học, học viện, trường cao đẳng (sau đây gọi chung là trường đại học);

- Các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ;

c) Các tập đoàn, tổng công ty, công ty, doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập có sử dụng ngân sách nhà nước để hoạt động khoa học và công nghệ;

d) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ; các doanh nghiệp khác có sử dụng ngân sách nhà nước để hoạt động khoa học và công nghệ;

đ) Các tổ chức: chính trị, chính trị-xã hội, chính trị-xã hội-ngành nghề nghiệp, xã hội, xã hội-ngành nghề nghiệp và các đơn vị trực thuộc có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn được coi là ngân sách nhà nước để hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng không thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Nội dung báo cáo và biểu mẫu báo cáo

1. Nội dung và biểu mẫu báo cáo bao gồm:

a) Thông tin chung về đơn vị báo cáo (Biểu 01CS-KHCN, Phụ lục I);

b) Số lao động của đơn vị báo cáo (Biểu 02CS-KHCN, Phụ lục II);

c) Số viên chức khoa học và công nghệ (Biểu 03CS-KHCN, Phụ lục III);

d) Chi cho khoa học và công nghệ (Biểu 04CS-KHCN, Phụ lục IV);

đ) Số đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Biểu 05CS-KHCN, Phụ lục V);

e) Hợp tác quốc tế trong khoa học và công nghệ (Biểu 06CS-KHCN, Phụ lục VI);

g) Sở hữu công nghiệp (Biểu 07CS-KHCN, Phụ lục VII);

h) Giải thưởng khoa học và công nghệ (Biểu 08CS-KHCN, Phụ lục VIII).

2. Nội dung báo cáo phải được điền vào các biểu mẫu theo hướng dẫn quy định tại Phụ lục IX của Thông tư này.

Điều 4. Kỳ hạn báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

1. Kỳ hạn báo cáo là 01 năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

2. Các đơn vị báo cáo phải gửi báo cáo cho đơn vị nhận báo cáo chậm nhất là ngày 28/02 năm kế tiếp của năm báo cáo theo dấu bưu điện.

Điều 5. Hình thức báo cáo

Báo cáo phải được lập thành văn bản và tệp dữ liệu điện tử định dạng bảng tính Excel.

Báo cáo bằng văn bản phải có chữ ký, đóng dấu xác nhận của Thủ trưởng đơn vị báo cáo để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu.

Điều 6. Quy định về việc gửi báo cáo

1. Các đơn vị báo cáo thuộc sự quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào thì gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó;

2. Các đơn vị báo cáo không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này gửi báo cáo về:

a) Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Cơ quan chủ quản của đơn vị báo cáo.

Điều 7. Trách nhiệm của đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo

1. Đơn vị báo cáo có trách nhiệm:

a) Báo cáo đầy đủ, trung thực, khách quan và đúng nội dung thông tin được quy định trong Chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung báo cáo;

b) Nộp báo cáo đúng hạn;

c) Kiểm tra, cung cấp lại báo cáo và các thông tin liên quan đến báo cáo thống kê khi có yêu cầu của đơn vị nhận báo cáo;

d) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị nhận báo cáo quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 6 Thông tư này có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra, đối chiếu, xử lý và tổng hợp số liệu từ các báo cáo thống kê cơ sở thành báo cáo thống kê tổng hợp;
- b) Yêu cầu đơn vị báo cáo kiểm tra, cung cấp lại báo cáo và các thông tin liên quan đến báo cáo thống kê khi cần thiết;
- c) Gửi báo cáo thống kê tổng hợp về Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- d) Cung cấp thông tin thống kê tổng hợp cho đơn vị báo cáo;
- đ) Cung cấp số liệu cho cơ quan quản lý nhà nước cấp trên về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;
- e) Bảo đảm công bố, sử dụng và bảo mật thông tin thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê;
- g) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và xử lý./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, Tp. trực thuộc Trung ương;
- Các Sở KH&CN của các tỉnh, Tp. trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban TƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam;
- Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước;
- Các tổ chức khoa học và công nghệ;
- Tổng cục Thống kê; Các Cục thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website của Chính phủ;
- Lưu VT, TTKHCN

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Lạng